

Bản án số: 219/2022/DSST
Ngày: 24-02-2022
V/v “Tranh chấp tài sản chia thừa
kế và tài sản chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Ngọc Thực

2/ Bà Trần Thị Bích Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Ông Lê Huỳnh Thiện - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/DSST
ngày 08/3/2017 về việc “Tranh chấp tài sản chia thừa kế và tài sản chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-DS ngày
17/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Đình K, sinh năm 1959

Địa chỉ: 64/3 ấp T T, xã X T Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1976 (Có
mặt).

Địa chỉ: 163/15/7F T H T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí
Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2016).

Bị đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1971

Địa chỉ: 65/5A P N C, ấp T T, xã X T Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Thanh H1, sinh năm 1997 (Có
mặt).

Địa chỉ: 65/5A P N C, ấp T T, xã X T Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí
Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2020)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị O, sinh năm 1944 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: 528/18 Đ B P, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Vũ Chính Đ, sinh năm 1947 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: 26/525 L Đ T, Phường 16, quận G V, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Ông Nguyễn Vũ Đ1, sinh năm 1976 (là người thừa kế của bà Bà Vũ Thị Kim T5, chết năm 1991)

Địa chỉ: 1883 C A #2, S, CA 95124, USA (Xin vắng mặt).

4. Bà Vũ Thị Kim H2, sinh năm 1965 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: 256 N Q, Phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Vũ Thị H3, sinh năm 1967 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: 8941 M H D, G G, CA 92841, USA.

6. Ông Vũ Quang V, sinh năm 1949 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: 849 P A B N.Y 10459, USA.

7. Ông Vũ Quốc K1, sinh năm 1993 (là người thừa kế của ông Vũ Quang M, chết năm 2003)

Địa chỉ: 83/3 T C, xã T C, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt).

8. Bà Vũ Thị Thanh H1, sinh năm 1997 (là người thừa kế của ông Vũ Quang M, chết năm 2003) (Có mặt).

Địa chỉ: 65/5A P N C, ấp T T, xã X T Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2012 và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Vũ Đình K có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Phúc T trình bày:

Cha mẹ của nguyên đơn là ông Vũ Đình V (chết năm 1981) và bà Lại Thị H5 (chết năm 2005), có 08 người con:

1. Bà Vũ Thị O, sinh năm 1944

2. Ông Vũ Chính Đ, sinh năm 1947

3. Ông Vũ Quang V, sinh năm 1949

4. Bà Vũ Thị Kim T5, sinh năm 1958, chết năm 1991

Bà Thanh có con là ông Nguyễn Vũ Đ1, sinh năm 1976

5. Ông Vũ Đình K, sinh năm 1959

6. Bà Vũ Thị Kim H2, sinh năm 1965

7. Bà Vũ Thị H3, sinh năm 1967

8. Ông Vũ Quang M, sinh năm 1970, chết năm 2003.

Ông M có vợ là bà Trần Thị Thu H, có con là Vũ Thị Thanh H1. ngoài ra trước đó ông M có vợ là Lưu Bích T6 (đã ly hôn), có con tên Vũ Quốc K1, sinh năm 1993.

Nhà đất tọa lạc tại số 65/5A P N C, ấp T T, xã X T Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc thuộc sở hữu của ông V và bà H5, sau khi ông V và bà H5 chết thì bà H3 quản lý sử dụng, khi ông K làm các thủ tục hợp thức hóa thì bà H3 ngăn cản.

Nay ông K kiện đòi chia thừa kế theo di chúc của bà H5 lập ngày 28/5/2004 và phần tài sản thừa kế của ông V như sau:

Chia di sản thừa kế đối với phần tài sản của ông Vũ Đình V để lại theo quy định của pháp luật. Cụ thể là chia đều cho bà H5 và 08 người con phần của ông V là $\frac{1}{2}$ căn nhà theo thống nhất về giá là $700.000.000 \text{ đồng} / 2 = 350.000.000 \text{ đồng}$. Như vậy, mỗi kĩ phần mà bà H5 và 08 người con của ông V được hưởng là 38.888.000 đồng/người.

Đối với phần tài sản là di sản của bà Lại Thị H5, trước đây nguyên đơn có yêu cầu chia theo di chúc, nhưng nay ông K yêu cầu chia phần di sản của bà H5 (bao gồm: phần thừa kế từ ông V để lại là 38.888.000 đồng + $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 350.000.000 đồng) là 388.888.000 đồng sẽ được chia thành 08 kĩ phần cho 08 người con, mỗi kĩ phần là 48.611.000 đồng.

- Đề nghị giao cho hai người con của ông Vũ Quang M (chết năm 2003) là bà Vũ Thị Thanh H1 và ông Vũ Quốc K1 được hưởng kĩ phần của ông M. Cụ thể, bà H1 và ông K1 được hưởng phần giá trị mỗi người là: $38.888.000 \text{ đồng} / 3 + 48.611.000 \text{ đồng} / 2 = 37.267.500 \text{ đồng}$.

Phần của bà H2 được hưởng là: $38.888.000 \text{ đồng} / 3 = 12.962.000 \text{ đồng}$.

- Đề nghị giao lại toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 65/5A P N C, ấp T T, xã X T Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông K nhận, ông K sẽ thanh toán lại phần giá trị thừa kế cho phần của bà H2 và các con của ông M, còn đối với các đồng thừa kế khác của ông V và bà H5 sẽ do các bên tự thỏa thuận.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đối với giá trị tài sản tranh chấp là nhà đất số 65/5A P N C, ấp T T, xã X T Đ, huyện H M có giá trị là: 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng.

Bị đơn bà Trần Thị Thu H Đại có diện hợp pháp theo uỷ quyền là bà Vũ Thị Thanh H1 trình bày:

Di sản là nhà đất và hàng thừa kế như phía nguyên đơn trình bày là đúng, tuy nhiên cha chồng bà H3 là ông V khi còn sống có nói cho nhà đất trên cho chồng bà là ông M, anh em trong gia đình đều biết, bà H3 không có giấy tờ di chúc gì chứng minh nhưng bà đã quản lý sử dụng nhà từ năm 1997 đến nay.

Khi kết hôn với ông M từ năm 1997 bà H3 về ở nhà này đến nay bà không còn chỗ ở nào khác nên bà xin được giữ lại ngôi nhà.

Bị đơn không đồng ý với các yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn đề xuất được giữ lại căn nhà để ở và thờ cúng, bị đơn sẽ bồi hoàn lại giá trị của các kỉ phần cho các đồng thừa kế khác.

Bị đơn thống nhất giá trị tài sản nhà đất là: 700.000.000 đồng.

Bị đơn đề xuất được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là phần di sản của ông V. Đối với phần di sản của bà H5, bị đơn yêu cầu chia làm 09 kỉ phần. Bị đơn được hưởng $\frac{1}{9}$ vì bị đơn có công có công quản lý di sản và chăm sóc, phụng dưỡng bà H5 lúc còn sống.

Trong quá trình quản lý, sử dụng bị đơn có trùng tu, sửa chữa căn nhà. Tuy nhiên, việc trùng tu sửa chữa căn nhà là phục vụ cho việc ở của bị đơn nên trong trường hợp Tòa án chia thừa kế thì bị đơn không yêu cầu đối với khoản chi phí sửa chữa này.

Hiện nay, những người đăng kí hộ khẩu thường trú, tạm trú và thực tế đang cư trú tại căn nhà tranh chấp gồm bà Trần Thị Thu H và bà Vũ Thị Thanh H1.

Trước đây bà Vũ Thị H3 có yêu cầu độc lập là đòi số tiền sửa chữa nhà năm 2008 là 120.000.000 đồng. Nay được biết bà Hạnh đã rút yêu cầu đối với phần này nên bị đơn không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Thanh H1 trình bày: Thống nhất như lời trình bày của bà Trần Thị Thu H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Quang V trình bày: Lúc sinh thời, cha mẹ ông là ông Vũ Đình V và bà Lại Thị Hương có tạo lập 01 tài sản là bất động sản tọa lạc tại 65/5A P N C, ấp T T, xã X T Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh hiện do bà Trần Thị Thu H quản lý, sử dụng. Ông thống nhất với các ý kiến của ông Vũ Đình K và đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại theo quy định pháp luật.

Hiện ông đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ nên khó khăn trong việc đi lại, do đó ông đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án nhân dân các cấp. Ông xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các ý kiến, trình bày của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vũ Đ1 trình bày: Ông bà ngoại là ông Vũ Đình V và bà Lại Thị H5 có tạo lập 01 tài sản là bất động sản tọa lạc tại 65/5A P N C, ấp T T, xã X T Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh hiện do bà Trần Thị Thu H quản lý, sử dụng. Ông là người con duy nhất và cũng là người thừa kế duy nhất phần di sản của ông bà ngoại để lại cho mẹ của ông là bà Vũ Thị Kim T5 (chết năm 1991). Ông thống nhất với các ý kiến của ông Vũ Đình K và đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại theo quy định pháp luật.

Hiện ông đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ nên khó khăn trong việc đi lại, do đó ông đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án nhân dân các cấp. Ông xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các ý kiến, trình bày của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H3 trình bày: Lúc sinh thời, cha mẹ bà là ông Vũ Đình V và bà Lại Thị Hương có tạo lập 01 tài sản là bất động sản tọa lạc tại 65/5A P N C, ấp T T, xã X T Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh hiện do bà Trần Thị Thu H quản lý, sử dụng. Bà thống nhất với các ý kiến của ông Vũ Đình K và đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại theo quy định pháp luật. Đồng thời bà H2 rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập đối với số tiền sửa chữa nhà là 120.000.000 đồng (*Theo Đơn yêu cầu độc lập, thụ lý theo biên lai thu tạm ứng án phí số AC/2010/ 06618 ngày 17/3/2014*).

Hiện bà đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ nên khó khăn trong việc đi lại, do đó bà đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án nhân dân các cấp. Bà xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các ý kiến, trình bày của mình.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Chính Đ, bà Vũ Thị Kim H2, ông Vũ Quốc K1 có đơn đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa, các đương sự có mặt thống nhất với nhau về giá trị di sản nhà đất là 700.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu xem xét công nhận đối với tờ di chúc ngày 28/5/2004 của cụ H5 và xác định yêu cầu chia di sản của cụ V và cụ H5 được chia theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhận xét và phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được đảm bảo đúng pháp luật. Về thời hạn giải quyết, từ ngày có quyết định tiếp tục giải quyết vụ án tính đến ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử là có vi phạm quá thời hạn.

Về nội dung: Về thời hiệu: Vụ án còn trong thời hạn khởi kiện. Về hàng thừa kế: Xác định cha mẹ ông V đã chết trước ông V, cha mẹ bà H5 đã chết trước bà H5 theo thừa nhận của các đương sự. Di sản của ông V là $\frac{1}{2}$ nhà đất được chia 9 phần cho bà H5 và 8 người con. Phần di sản của bà H5 gồm $\frac{1}{2}$ nhà đất và $\frac{1}{9}$ thừa kế từ ông V đề nghị chia 9 phần cho 8 người con và $\frac{1}{9}$ là công sức quản lý di sản của bà H3. Xét các đương sự khác đã có chỗ ở, bà H3 quản lý ở tại nhà từ năm 1997 đến nay hiện không còn chỗ ở nào khác nên Căn cứ Án lệ số 05/2016/AL, giao cho bà H3 nhận hiện vật và có nghĩa vụ trả phần thừa kế cho các đương sự còn lại bằng tiền. Đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị H3 và xét miễn án phí cho đương sự thuộc diện là người cao tuổi.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định thời hiệu khởi kiện thừa kế đối với di sản của cụ Vũ Đình V (chết năm 1981) và cụ Lại Thị H5 (chết năm 2005) là còn trong thời hiệu.

[2] Các đương sự đã thống nhất xác định về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vũ Đình V và cụ Lại Thị H5, đồng thời thừa nhận di sản của hai cụ để lại là nhà đất số 65/5A P N C, ấp T T, xã X T Đ, huyện H M do bị đơn quản lý. Lời khai thống nhất của các đương sự phù hợp với chứng cứ thu thập tại vụ án nên được công nhận.

[3] Tại “Biên bản ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc thống nhất giá trị tài sản tranh chấp” ngày 19/10/2020, tại “Biên bản không tiến hành hòa giải được” ngày 25/02/2021 và ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng như tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thỏa thuận xác định giá trị tài sản nhà đất tại số 65/5A P N C, ấp T T, xã X T Đ, huyện H M có giá trị bằng 700.000.000 đồng. So sánh với chứng thư thẩm định giá số 21344/14SG ngày 31/7/2014 xét không có chênh lệch nhiều về giá. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện, phù hợp và không trái pháp luật, các đương sự cũng không có ai yêu cầu định giá lại nên công nhận giá trị nhà đất 65/5A P N C, ấp T T, xã X T Đ, huyện H M có giá trị bằng 700.000.000 đồng.

[4] Xét về “Tờ di chúc” ngày 28/5/2004, đây là di chúc viết tay không có công chứng. Căn cứ Kết luận giám định số 2626/C54B của Phân viện khoa học hình sự thuộc Bộ công an kết luận:

Dấu vân tay màu xanh dưới chữ “Lại Thị H5” trên “tờ di chúc” lập tại T T ngày 28/5/2004 so với các điểm chỉ vân tay của bà Lại Thị H5 trên các tài liệu mẫu so sánh không phải dấu tay của cùng một người in ra.

Không xác định được loại mực viết và loại giấy mà bà H5 dùng viết tờ di chúc ngày 28/5/2004 được sử dụng vào thời điểm nào.

Căn cứ kết luận giám định, xét tài liệu là “Tờ di chúc” ngày 28/5/2004 do nguyên đơn cung cấp không là chứng cứ chứng minh nên không được công nhận.

Tại “Biên bản không tiến hành hòa giải được” ngày 25/02/2021 và ngày 15/3/2021 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn cũng đã xác định yêu cầu chia di sản theo pháp luật đối với phần di sản của cụ V và cả của cụ Lại Thị H5 cho những người thừa kế và không yêu cầu xem xét đối với tờ di chúc. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Bị đơn trình bày khi cụ V còn sống có nói miệng để lại nhà đất cho ông Vũ Quang M nhưng xét trình bày của bị đơn không được các đồng thừa kế thừa nhận đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Tại các giai đoạn tố tụng trước, bà Vũ Thị H3 có yêu cầu độc lập đối với số tiền sửa chữa nhà là 120.000.000 đồng. Tại văn bản ngày 05/9/2020, bà Hạnh rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập đối với số tiền sửa chữa nhà là 120.000.000 đồng. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà H3 nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị H3.

[7] Cụ Vũ Đình V chết năm 1981, di sản của cụ V là $\frac{1}{2}$ nhà đất. Hàng thừa kế của cụ V tại thời điểm mở thừa kế gồm có cụ H5 và 8 người con.

Cụ Lại Thị H5 chết năm 2005, di sản cụ H5 gồm $\frac{1}{2}$ nhà đất và một kỷ phần thừa kế được chia từ di sản của cụ V. Hàng thừa kế của cụ H5 tại thời điểm mở thừa kế là 8 người con, trong đó người một người con tên Vũ Kim T5 chết trước (chết năm 1991) nên cháu là Nguyễn Vũ Đ1 thừa kế thế vị, người con tên Vũ Quang M chết trước (chết năm 2003) có 2 cháu là Vũ Quốc K1 và Vũ Thị Thanh H1 thừa kế thế vị.

[8] Bị đơn là người trực tiếp quản lý, có công sức quản lý bảo quản di sản của người chết để lại và có yêu cầu xem xét. Thực tế việc quản lý di sản bao gồm cả di sản của cụ Vũ Đình V và di sản của cụ Lại Thị H5 trong suốt thời gian từ năm 1997 đến nay. Do đó cần xét phần công sức này đối với cả di sản của hai cụ chứ không phải chỉ tính phần công sức quản lý di sản của riêng cụ H5. Phần công sức quản lý, bảo quản di sản được tính bằng chia thêm một suất kỷ phần là hợp tình hợp lý.

[9] Di sản là nhà đất không thể chia đều bằng hiện vật, các đương sự không thỏa thuận được việc giao nhà đất cho một người nhận, do đó căn cứ khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự, di sản sẽ được bán để chia. Bị đơn là người quản lý sử dụng nhà đất này từ năm 1997 đến nay và không có nhà ở khác, vì vậy giai đoạn thi hành án sẽ thực hiện quyền ưu tiên mua theo quy định về thi hành án dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Án lệ số 05/2016/AL để giao cho bị đơn được nhận nhà đất. Xét vấn đề pháp lý, nội dung khái quát trong Án lệ số 05/2016/AL không đề cập để giải quyết việc xem xét quyết định giao cho ai được quyền nhận hiện vật khi giải quyết chia thừa kế mà các đương sự không thỏa thuận được, mà vấn đề pháp lý này đã được quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự nên không có cơ sở để áp dụng án lệ.

[10] Di sản được chia cụ thể như sau:

- Phần di sản của cụ V giá trị 350.000.000 đồng chia thành 10 phần (Cho cụ H5, 8 người con và 1 phần công sức cho bà H3). Trong đó: kỷ phần của ông M do 3 người hưởng (Bà H3, cháu K1 và cháu H1); kỷ phần của bà T5 do cháu Nguyễn Vũ Đ1 được hưởng.

- Phần di sản của cụ H5 giá trị 385.000.000 đồng chia thành 9 phần (Cho 8 người con và 1 phần công sức cho bà H3). Trong đó: kỷ phần của ông M được chia cho 2 người hưởng (cháu K1 và cháu H1); kỷ phần của bà T5 do cháu Nguyễn Vũ Đ1 được hưởng.

Như vậy, tính theo giá trị di sản và tỉ lệ, các ông bà K, O, Đại, V, Đ1 (con của Thanh), H2, Hạnh mỗi người hưởng 77.777.700 đồng (tương đương 11,1111%); K1 và H1 mỗi người hưởng 33.055.400 đồng (tương đương 4,7222%) và bà H3 hưởng phần được chia thừa kế từ ông M 11.666.600 đồng và tiền công sức bảo quản di sản 77.777.700 đồng, cộng là 89.444.300 đồng (tương đương 12,7777%). (Số tiền và tỉ lệ được làm tròn số).

[11] Án phí: Áp dụng Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giải quyết về án phí.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đề nghị được miễn án phí vì thuộc diện người cao tuổi nên xét chấp nhận theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự khác phải chịu án phí tính trên giá trị tài sản được hưởng theo quy định tại Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Bị đơn không phải chịu án phí đối với giá trị phần công sức bảo quản di sản được nhận theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Vũ Thị H3 và ông Vũ Đình K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 37, 147, 228, 244, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 618, 623, 651, 652 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 (tương ứng các Điều 662, 675, 676, 684 và 685 Bộ luật Dân sự năm 2005);

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xác định nhà đất 65/5A P N C, ấp T T, xã X T Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của cụ Vũ Đình V (chết năm 1981) và cụ Lại Thị H5 (chết năm 2005).

2. Di sản là nhà đất 65/5A P N C, ấp T T, xã X T Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh được bán để chia, sau khi trừ chi phí theo quy định pháp luật, chia như sau:

- Các ông/bà: Vũ Thị O, Vũ Chính Đ, Vũ Quang V, Nguyễn Vũ Đ1 (là con của Vũ Thị Kim T5, chết năm 1991), Vũ Đình K, Vũ Thị Kim H2, Vũ Thị H3 mỗi người được hưởng 11,1111%;

- Bà Vũ Thị Thanh H1 và ông Vũ Quốc K1 (là con của Vũ Quang M, chết năm 2003) mỗi người được hưởng 4,7222%;

- Bà Trần Thị Thu H (là vợ của Vũ Quang M, chết năm 2003) được hưởng 12,7777%.

3. Bán đấu giá nhà đất 65/5A P N C, ấp T T, xã X T Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành án. Bà Trần Thị Thu H, Vũ Thị Thanh H1 (và những người cư trú tại nhà thời điểm thi hành án – nếu có) phải giao nhà trống cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền để thực hiện thi hành án.

4. Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu độc lập trong vụ án của bà Vũ Thị H3.

5. Án phí: Miễn án phí cho ông Vũ Đình K.

- Các ông/bà: Vũ Thị O, Vũ Chính Đ, Vũ Quang V, Nguyễn Vũ Đ1, Vũ Thị Kim H2, Vũ Thị H3 mỗi người phải chịu: 3.888.800 đồng.

- Bà Vũ Thị Thanh H1 và ông Vũ Quốc K1 mỗi người phải chịu: 1.652.700 đồng.

- Bà Trần Thị Thu H phải chịu: 583.300 đồng.

- Trả lại tiền tạm ứng án phí 6.666.600 đồng cho ông Vũ Đình K (Biên lai AB/2011/01348 ngày 12/11/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn); Trả lại tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng cho bà Vũ Thị H3 (Biên lai AG/2010/06618 ngày 17/3/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà không có người đại diện thì thời hạn trên tính từ ngày được tổng đạt bản án. Riêng đối với các đương sự ở nước ngoài vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 1 tháng tính từ ngày được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THA DS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.40).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phạm Hồng Giảng

